

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 (điều chỉnh lần 1)
của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-BVĐKTB ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Tân Bình v/v ban hành Quy chế công khai tài chính Bệnh viện Đa khoa Tân Bình;

Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức lại Bệnh viện quận Tân Bình trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thành Bệnh viện quận Tân Bình trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi cơ quan quản lý của 68 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thành trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (mới);

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về đổi tên “Bệnh viện quận Tân Bình” thành “Bệnh viện Đa khoa Tân Bình” trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3851/QĐ-SYT ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-SYT ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Tân Bình (hạng II) trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-BVĐKTB ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Tân Bình v/v ban hành Quy chế công khai tài chính;

Căn cứ Quyết định số 4201/QĐ-SYT ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (Điều chỉnh lần 09).

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 (điều chỉnh lần 1) của Bệnh viện Đa khoa Tân Bình (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính quản trị, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, P.TC-KT.

GIÁM ĐỐC

Bs.CKII. Võ Văn Hùng

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN BÌNH**Chương: 423****DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC***(Kèm theo Quyết định số 301/QĐ-BVĐKTB ngày 03/9/2026**của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Tân Bình)**Đvt: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	20
1	Lệ phí	
2	Phí	20
	Phí xét tuyển viên chức	20
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	20
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	20
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	20
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23.119
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.119
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	23.119
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50
-	<i>Kinh phí chăm sóc sức khỏe cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát mức chuẩn hộ nghèo</i>	40
-	<i>Kinh phí hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với người có công, nhân sĩ, trí thức, cán bộ,theo Nghị quyết số 66/2025/NQ-HĐND</i>	10
4.3	Nguồn cải cách tiền lương	23.069
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	-
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	-
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	-

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	-
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	-
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	